TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: **01**/2021/DS-ST
Ngày: 04 - 01 - 2021
V/v: *"Tranh về hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt;**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Lê Đức Lam;**
2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐ - DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST - DS ngày 17/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bích H**, sinh năm: 1975;
Địa chỉ: Thôn Proh, xã P, huyện ĐD, tỉnh L.
Bị đơn: Bà **Đặng Thị T** (tên gọi khác Đặng Thanh T), sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Xóm 9, thôn N, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh L.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Xóm 9, thôn N, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh L.

(bà H có mặt, bà T, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Bích H trình bày:

Theo giấy mượn tiền ngày 06/12/2019, vợ chồng ông Lê Minh T, bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có vay của bà số tiền 140.000.000đ, hẹn đến ngày 06/01/2020. Đến hạn trả nợ, bà đã yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà T không trả. Vì vậy, ngày 15/9/2020, bà khởi khởi kiện vợ chồng ông T, bà T đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ

chồng ông T, bà T trả số tiền đã vay 140.000.000đ. Do trong giấy vay tiền chỉ có một mình bà T ký vay mượn, nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T (Đặng Thanh T) trả số tiền 140.000.000đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để triệu tập bị đơn bà Đặng Thị T (Đặng Thanh T), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T đến Tòa án để Tòa án tiến hành lấy lời khai, hòa giải nhưng bà T, ông T đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc T hợp không thể tiến hành hòa giải. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đặng Thị T (Đặng Thanh T) trả số tiền vay 140.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; riêng bị đơn bà Đặng Thị T không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H; buộc bị đơn bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Bích H số tiền đã vay 140.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn bà Lê Thị Bích H, bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T). Bị đơn bà Đặng Thị T có hộ khẩu thường trú tại xóm 9, thôn N, xã KĐ, huyện ĐD. Căn cứ khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐD.

Bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có hộ khẩu thường trú tại xóm 9, thôn N, xã KĐ, huyện ĐD, tuy hiện nay không có mặt tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn cũng như không khai báo với chính quyền địa phương nơi ở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Nghị Quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017, thì bị đơn thuộc T hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được giải quyết vụ án theo thủ tục chung và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho bị đơn theo quy định tại Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh T trước thời điểm công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay

là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Theo giấy vay tiền ngày 06/12/2019, bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có vay của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H số tiền 140.000.000đ, hẹn đến ngày 06/01/2020 sẽ trả. Đến hạn trả nợ, bị đơn không trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn đến Tòa án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) trả cho bà số tiền đã vay 140.000.000đ, căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp tại bút lục số 22 do bà T viết và ký vào ngày 06/12/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Đến thời điểm xét xử vụ án, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là bản chính giấy vay tiền do bị đơn bà T viết và ký vào ngày 06/12/2019, ngoài tài liệu trên thì không có tài liệu nào khác thể hiện bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định, bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) đã vay của nguyên đơn bà H số tiền 140.000.000đ và đến nay chưa trả cho nguyên đơn là có thật.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà Lê Thị Bích H yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có nghĩa vụ trả số tiền đã vay 140.000.000đ là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H, buộc bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000đ là đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị Quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích H. Buộc bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) có nghĩa vụ trả cho nguyên

đơn bà Lê Thị Bích H số tiền 140.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đặng Thị T (tên gọi khác Đặng Thanh T) phải chịu 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.500.000đ theo biên lai thu số AA/2017/00026557 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh L;
- VKS huyện ĐD;
- THA dân sự huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Nhựt